TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 42/2019/DS-PT
Ngày: 01 - 3 - 2019
V/v tranh chấp đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Phương Loan
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Lập
Ông Phạm Việt Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Ngọc Trâm là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Trương Minh Bạch – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 42/2019/TLPT-DS ngày 15 tháng 01 năm 2019 về việc "*Tranh chấp đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 191/2018/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 42/2019/QĐ-PT ngày 11 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*:

1. Ông Phan Văn H1 - sinh năm: 1958 (có mặt).

2. Phan Văn Thoi (Thôi) - sinh năm: 1965 (có mặt).

3. Ông Phan Văn U - sinh năm: 1967 (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông U là ông Phan Văn T1, sinh năm 1961 (có mặt).

4. Bà Phan Thị D1 - sinh năm: 1963 (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà D1, ông Phan Văn T2, sinh năm 1965 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp 5, xã K, huyện T, tỉnh C.

5. Ông Phan Văn T1 - sinh năm: 1961 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã V, huyện P, tỉnh B.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn - Luật sư Trần Hoàng Phương – Văn Phòng Luật sư Trần Hoàng Phương thuộc Đoàn Luật sư tỉnh

Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn C1, sinh năm 1950 (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông C1 là ông Trần Văn T7 - sinh năm 1960 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 10, xã An Xuyên, thành phố Cà Mau, tỉnh C.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị S - sinh năm: 1950 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 5, xã K, huyện T, tỉnh C.

2. Bà Nguyễn Thị B - sinh năm: 1953 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 10, xã A, thành phố C, tỉnh C.

3. Bà Nguyễn Bé T4 - sinh năm: 1954 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã H, huyện C, tỉnh C.

4. Ông Thái Thành K1 (vắng mặt).

5. Bà Thái Thị T5; sinh năm: 1940 (vắng mặt).

6. Ông Trần Văn T6; sinh năm: 1946 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp 2, xã A, thành phố C, tỉnh C.

7. Ông Trần Văn T7, sinh năm: 1960 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 10, xã A, thành phố C, tỉnh C.

8. Bà Trần Thị T8 - sinh năm: 1949 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 10, xã A, thành phố C, tỉnh C.

9. Bà Trần Thị N1 - sinh năm: 1951(vắng mặt).

Địa chỉ: Phường 7, thành phố C, tỉnh C.

10. Bà Trần Thị Thận - sinh năm: 1957 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 10, xã A, thành phố C, tỉnh C.

11. Bà Trần Thị T10 - sinh năm: 1966 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 2, phường T, thành phố C, tỉnh C.

12. Bà Trần Thị D3 - sinh năm: 1967 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp X, xã H, huyện T, tỉnh C.

13.Ông Phạm Văn D4 - sinh năm: 1963 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 5, xã T, huyện T, tỉnh C.

14.Bà Phạm Thị C2 - sinh năm: 1949 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 9, xã T, huyện T, tỉnh C.

15. Bà Phạm Thị X - sinh năm: 1953 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 3, xã A, thành phố C, tỉnh C.

16. Bà Phạm Thị N2 - sinh năm: 1967 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp X, xã H, huyện T, tỉnh C.

17. Bà Phạm Thị A - sinh năm: 1955 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 9, xã T, huyện T, tỉnh C.

18. Bà Nguyễn Thị K2, sinh năm 1955 (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà K2 là ông Trần Văn T7, sinh năm 1960 (có mặt).

19. Ông Trần Văn E - sinh năm: 1986 (có mặt).

20. Bà Trần Mộng T11 - sinh năm: 1986 (có mặt).

21. Ông Trần Văn O - sinh năm: 1982 (có mặt).

22. Bà Nguyễn Ngọc H2 - sinh năm: 1984 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp 10, xã A, thành phố C, tỉnh C.

- *Người kháng cáo*: Nguyên đơn là ông Phan Văn H1 và ông Phan Văn T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, biên bản hòa giải và tại phiên tòa các nguyên đơn trình bày: Vào khoảng năm 1920, ông bà nội các nguyên đơn là cụ Phan Văn S và cụ Phạm Thị P có khai phá phần đất tọa lạc ấp 10, xã A, thành phố C với diện tích 2.200m^2, ngang 25m dài 88m, theo đo đạc thực tế là 2.387,1m^2 và đất hiện nay vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vào năm 1960 cụ S, bà P về huyện Trần Văn Thời sinh sống với con là Phan Văn N (là cha của các nguyên đơn) và để lại phần đất trống không có người canh tác. Đến năm 1976 cụ S và cụ P về sống với con là Phan Thị Đ (mẹ của bị đơn) ở gần phần đất của của cụ S và cụ P. Tại thời điểm này phần đất của cụ S và cụ P vẫn là đất trống. Đến năm 1991 ông Trần Văn C1 là con của bà Phan Thị Đ cất nhà trên phần đất của cụ S và cụ P cho đến nay. Từ thời điểm năm 1991 đến nay ông C1 là người quản lý, sử dụng phần đất tranh chấp và thực hiện nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước. Nay các nguyên đơn yêu cầu ông C1 tháo dở 03 căn nhà trả lại toàn bộ phần diện tích đất 2.387,1m^2 , tọa lạc tại ấp 10, xã A, thành phố C. Các nguyên đơn xác định cụ S qua đời năm 1963, cụ P qua đời năm 1986 không để lại di chúc.

Bị đơn ông Trần Văn C1 trình bày: Năm 1977 bà ngoại ông là cụ Phạm Thị P có cho vợ chồng ông phần đất ngang 25m dài 88m tọa lạc tại ấp 10, xã A, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Khi cho không có lập thành văn bản, ông đã cất nhà ở, quản lý, sử dụng ổn định cho đến nay. Hiện nay ông vẫn chưa kê khai đăng ký để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trên phần đất hiện nay ông đang quản lý có hai ngôi mộ của ông bà ngoại ông là cụ S và cụ P. Ông xác định đây là phần đất của vợ chồng ông được cho nên không đồng ý dỡ nhà trả đất theo yêu cầu của nguyên đơn.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - Bà Nguyễn Thị S trình bày: Theo bà biết nguồn gốc phần đất tranh chấp là của cụ Phan Văn S và cụ Phạm Thị P là ông bà ngoại của bà. Khi cụ S và cụ P qua đời bà không biết để lại phần đất trên cho ai. Tuy nhiên, bà xác định bà không có bất kỳ yêu cầu gì đối với phần đất này nên bà xin tòa án hòa giải, xét xử vắng mặt bà.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - Bà Nguyễn Thị B trình bày: Bà là con của bà Phan Thị L và là cháu ngoại của cụ Phạm Văn S và cụ Phạm Thị P. Trước đây cụ S và cụ P còn sống có cho ông Trần Văn C1 phần đất ngang 25m dài

88m tọa lạc tại ấp 10, xã A, thành phố C và ông C1 đã quản lý, sử dụng từ trước đến nay. Bà xác định phần đất trên không liên quan gì đến bà nên bà xin không tham gia tố tụng, yêu cầu Tòa án hòa giải và xét xử vắng mặt bà.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - Bà Nguyễn Bé T4 trình bày: Bà xác định nguồn gốc phần đất là của cụ Phan Văn S và cụ Phạm Thị P. Khi cụ S và cụ P qua đời có để lại một phần đất tại ấp 10, xã A, thành phố C nhưng bà không rõ diện tích bao nhiêu và bà cũng không biết phần đất trên đã cho ai. Bà xác định phần đất trên không liên quan gì đến bà nên bà xin không tham gia tố tụng, yêu cầu Tòa án hòa giải và xét xử vắng mặt bà.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Thái Thành K1 trình bày: Trước đây bà ngoại ông là cụ Phạm Thị P khi còn sống có cho ông C1 một phần đất tại ấp 10, xã A, thành phố C nhưng diện tích bao nhiêu ông không biết và ông C1 đã quản lý, sử dụng từ trước đến nay. Ông xác định phần đất trên không liên quan gì đến ông nên ông xin không tham gia tố tụng và xin Tòa án hòa giải và xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - Bà Trần Thị T8, Trần Thị N1, Trần Thị Thận, Trần Thị T10, Trần Thị D3 trình bày: Các bà xác định nguồn gốc phần đất là của cụ Phan Văn S và cụ Phạm Thị P. Khi cụ S và cụ P qua đời có để lại một phần đất tại ấp 10, xã A, thành phố C . ngang 25m dài 88m cho ông Trần Văn C1 và ông C1 đã quản lý, sử dụng từ trước đến nay. Các bà xác định phần đất trên không liên quan gì đến các bà nên các bà xin không tham gia tố tụng, yêu cầu Tòa án hòa giải và xét xử vắng mặt các bà.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - Ông Phạm Văn D4, ông Trần Văn T6, Trần Văn T7 trình bày: Các ông xác định nguồn gốc phần đất là của cụ Phan Văn S và bà Phạm Thị P. Khi cụ S và cụ P qua đời có để lại một phần đất tại ấp 10, xã A, thành phố C ngang 25m dài 88m cho ông Trần Văn C1 và ông C1 đã quản lý, sử dụng từ trước đến nay. Các ông xác định phần đất trên không liên quan gì đến các ông nên các ông xin không tham gia tố tụng, yêu cầu Tòa án hòa giải và xét xử vắng mặt các ông.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - Bà Thái Thị T5, bà Phạm Thị C2, bà Phạm Thị X, bà Phạm Thị N2, bà Phạm Thị A trình bày: các bà xác định nguồn gốc phần đất là của cụ Phan Văn S và cụ Phạm Thị P. Khi cụ S và cụ P qua đời có để lại một phần đất tại ấp 10, xã A, thành phố C ngang 25m dài 88m cho ông Trần Văn C1 và ông C1 đã quản lý, sử dụng từ trước đến nay. Các bà xác định phần đất trên không liên quan gì đến các bà nên các bà xin không tham gia tố tụng, yêu cầu Tòa án hòa giải và xét xử vắng mặt các bà.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - Bà Nguyễn Thị K2 trình bày: bà là vợ ông C1, vào năm 1977 bà ngoại chồng là cụ Phạm Thị P có cho vợ chồng bà phần đất ngang 25m dài 88m tọa lạc tại ấp 10, xã A, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Bà xác định đây là phần đất của vợ chồng bà nên không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn. Bà xác định do đi lại khó khăn nên bà xin không tham gia tố tụng, yêu cầu Tòa án hòa giải và xét xử vắng mặt bà.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - Ông Trần Văn E, Trần Mộng T11, Trần Văn O, Nguyễn Ngọc H2 là các con và dâu của ông C1 và bà K2 trình bày: Năm 1977 cụ Phạm Thị P có cho vợ chồng ông C1, bà K2 phần đất ngang 25m dài 88m tọa lạc tại ấp 10, xã A, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Hiện nay, các anh chị được ông C1 và bà K2 cho đất để cất nhà ở trên đất hiện nay. Do đó không đồng ý trả đất cho các nguyên đơn.

Từ nội dung trên, tại bản án sơ thẩm số: 191/2018/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn là ông Phan Văn H1, ông Phan Văn T1, ông Phan Văn T2, ông Phan Văn U và bà Phan Thị D1 về việc yêu cầu ông Trần Văn C1 tháo dở 03 căn nhà trả lại phần diện tích đất 2.387,1m^2 tọa lạc tại ấp 10, xã A, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 28 tháng 11 năm 2018, nguyên đơn ông ông Phan Văn H1 và ông Phan Văn T1 có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H1 và ông T1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông H1 và ông T1 tranh luận cho rằng phần đất tranh chấp hiện nay có nguồn gốc là của ông bà nội của nguyên đơn và cũng là ông bà ngoại của bị đơn qua đời để lại. Vào năm 1986 cụ P qua đời các nguyên đơn đã lo mai táng, phía bị đơn không lo nhưng phần đất hiện nay bị đơn quản lý, sử dụng toàn bộ mà không chia cho các nguyên đơn nên các nguyên đơn không đồng ý. Ông H1 và ông T1 thừa nhận từ khi cụ P qua đời đến nay các con của cụ P cũng không ai yêu cầu về việc bị đơn đã quản lý sử dụng đất của cụ P. Hiện nay các con của cụ P đều đã qua đời nên năm 2017 các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại đất. Tại phiên tòa phúc thẩm ông H1 và ông T1 yêu cầu nếu không trả lại toàn bộ phần đất bị đơn đang quản lý thì yêu cầu bị đơn trả lại một phần để nguyên đơn thờ cúng. Nếu chưa có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn thì đề nghị hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại lý do cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng đó là không định giá nhà và đất, không đối chất lời trình bày của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan để xác định cụ P có cho đất bị đơn hay không, hiện nay bị đơn không có chứng cứ nào chứng minh việc được cụ P cho đất nhưng cấp sơ thẩm chưa làm rõ.

Bị đơn tranh luận cho rằng phần đất tranh chấp hiện nay bị đơn được cụ P cho để cất nhà ở từ năm 1977 cho đến nay không ai có tranh chấp gì, trong thời gian cất nhà ở, quản lý và sử dụng đất bị đơn đã nộp thuế cho Nhà nước đầy đủ nhưng bị đơn chưa kê khai để đăng ký quyền sử dụng đất. Hiện nay bị đơn thờ cúng cụ P, trên đất hiện nay có hai ngôi mộ của cụ S và cụ P và có 3 căn nhà của bị đơn và các con của bị đơn nên không đồng ý trả đất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định; về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ

nguyên bản án sơ thẩm số 191/2018/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Phan Văn H1 và ông Phan Văn T1, Hội đồng xét xử xét thấy: Về nguồn gốc đất tranh chấp hiện nay các nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận là của cụ Phan Văn S và cụ Phạm Thị P khai phá. Cụ S và cụ P là ông bà nội của nguyên đơn và cũng là ông bà ngoại của bị đơn. Khi cụ S qua đời năm 1963 và cụ P qua đời năm 1986 đều không có để lại di chúc. Phần đất của cụ S và cụ P do bị đơn cất nhà ở, quản lý và sử dụng đất từ năm 1977 cho đến nay, bị đơn cũng không có giấy tờ gì chứng minh được cho đất. Tuy nhiên trong thời gian bị đơn quản lý và sử dụng đất đến năm 1986 cụ P qua đời thì các con của cụ S và cụ P cũng không ai có yêu cầu gì về việc chia thừa kế phần đất của cụ S và cụ P để lại. Hiện nay, thời hiệu để yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất cũng không còn, năm 2017 thì các nguyên đơn mới làm đơn khởi kiện để đòi lại đất trong khi đó các nguyên đơn không có giấy tờ chứng minh phần đất nêu trên thuộc quyền sử dụng của các nguyên đơn và từ trước đến nay các nguyên đơn không quản lý sử dụng đất. Từ năm 1977 đến nay bị đơn là người trực tiếp quản lý và sử dụng đất và đã thực hiện nghĩa vụ nộp thuế cho Nhà nước. Theo đo đạc thực tế diện tích đất tranh chấp do bị đơn đang quản lý hiện nay là 2.387,1m^2 tọa lạc tại ấp 10, xã A, thành phố C . Trên đất hiện nay có hai ngôi mộ của cụ S và cụ P và ba căn nhà do bị đơn và các con của bị đơn là Trần Văn E, Trần Mộng T11, Trần Văn O và Nguyễn Ngọc H2 cất nhà ở cho đến nay đã ổn định. Do đó các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn dỡ nhà trả lại đất cho nguyên đơn là không có cơ sở. Do phần đất tranh chấp hiện nay chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên công ty thẩm định giá từ chối việc định giá đất, do không có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên không cần thiết phải định giá tài sản là nhà và đất do bị đơn đang quản lý, vì vậy luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị hủy án sơ thẩm là không có cơ sở.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H1 và ông T1 cũng không có chứng cứ gì để chứng phần đất tranh chấp hiện nay do bị đơn đang quản lý là của nguyên đơn nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

[3] Xét đề nghị của Viện kiển sát nhân dân tỉnh Cà Mau tại phiên tòa là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông H1 và ông T1 nên ông H1 và ông T1 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn là ông Phan Văn H1 và ông Phan Văn T1.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 191/2018/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn là ông Phan Văn H1, ông Phan Văn T1, ông Phan Văn T2, ông Phan Văn U và bà Phan Thị D1 về việc yêu cầu ông Trần Văn C1 tháo dở 03 căn nhà trả lại phần diện tích đất 2.387,1m^2 , tọa lạc tại ấp 10, xã A, thành phố C, tỉnh C.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông Phan Văn H1, ông Phan Văn T1, ông Phan Văn T2, ông Phan Văn U, bà Phan Thị D1 phải chịu 4.756.000 đồng. Ngày 03/10/2017, ông H1, ông T1, ông T2, ông U, bà D1 đã dự nộp 2.200.000 đồng được đối trừ. Ông H1, ông T1, ông T2, ông U, bà D1 phải nộp tiếp 2.556.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau.

2. Án phí phúc thẩm: Ông Phan Văn H1, ông Phan Văn T1 mỗi người phải chịu 300.000 đồng, đã qua ông H1 và ông T1 đã dự nộp mỗi người 300.000 đồng, tại biên lai số 0001629 và biên lai số 0001628 ngày 29/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được chuyển thu.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Phương Loan